

Số: 18/2025/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 07 tháng 8 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 337/TTr-SNN&MT ngày 30 tháng 6 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

#### Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Văn phòng đăng ký đất đai là tổ chức đăng ký đất đai, là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; có chức năng thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi là Giấy chứng nhận), đo đạc, chỉnh lý, lập bản đồ địa chính, xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thông tin đất đai, cung cấp dịch vụ công về đất đai và hỗ trợ công tác quản lý nhà nước khác về đất đai trên địa bàn tỉnh.

2. Văn phòng đăng ký đất đai có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản, hoạt động theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Chi nhánh thuộc Văn phòng đăng ký đất đai là đơn vị hạch toán phụ thuộc.

#### Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Thực hiện đăng ký đất đai đối với đất được Nhà nước giao quản lý, đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.
2. Tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai về thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận, xác nhận thay đổi đối với trường hợp đăng ký biến động được quy định như sau:
  - a) Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; cấp Giấy chứng nhận cho chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài;
  - b) Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài;
  - c) Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai được sử dụng con dấu của mình để thực hiện cấp Giấy chứng nhận hoặc xác nhận thay đổi vào giấy chứng nhận đã cấp.
3. Thực hiện đăng ký biến động đối với đất được Nhà nước giao quản lý, đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.
4. Thực hiện đo đạc, chỉnh lý, lập bản đồ địa chính, trích lục bản đồ địa chính; cấp, đính chính, thu hồi, hủy giấy chứng nhận, hủy kết quả đăng ký biến động trên giấy chứng nhận.
5. Kiểm tra mảnh trích đo bản đồ địa chính thửa đất; kiểm tra, xác nhận sơ đồ tài sản gắn liền với đất do tổ chức, cá nhân cung cấp phục vụ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận; thực hiện việc cập nhật bản đồ địa chính vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; kiểm tra, ký duyệt mảnh trích đo bản đồ địa chính (trừ trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai).
6. Lập, chỉnh lý, cập nhật, lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính; tiếp nhận, quản lý việc sử dụng mẫu Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật.
7. Cập nhật, chỉnh lý, đồng bộ hóa, khai thác dữ liệu đất đai; xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin đất đai theo quy định của pháp luật.
8. Thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
9. Thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.
10. Cung cấp hồ sơ, bản đồ, thông tin, số liệu đất đai, tài sản gắn liền với đất cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.
11. Thực hiện thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật và các khoản thu từ dịch vụ công về đất đai quy định tại Điều 154 Luật Đất đai.
12. Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính đối với những thủ tục thuộc chức năng, nhiệm vụ.

13. Thực hiện các dịch vụ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ phù hợp với năng lực theo quy định của pháp luật:

- a) Tư vấn lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp xã;
- b) Tư vấn thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- c) Dịch vụ cung cấp thông tin, dữ liệu về đất đai;
- d) Dịch vụ đo đạc địa chính;
- đ) Dịch vụ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;
- e) Dịch vụ tư vấn xác định giá đất;
- g) Dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

14. Quản lý viên chức, người lao động, tài chính và tài sản thuộc Văn phòng đăng ký đất đai; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật về các lĩnh vực công tác được giao.

15. Phối hợp với các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường và các tổ chức có liên quan thực hiện công tác bảo đảm an toàn và bảo mật hệ thống thông tin, các cơ sở dữ liệu điện tử về nông nghiệp và môi trường; cung cấp thông tin, văn bản cần thiết để thực hiện nhiệm vụ; giao nộp hồ sơ, tài liệu, dữ liệu về lĩnh vực đất đai để cập nhật, lưu trữ theo quy định.

16. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật và do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giao.

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức**

1. Lãnh đạo Văn phòng đăng ký đất đai, gồm: Giám đốc và 08 Phó Giám đốc (lộ trình đến năm 2030 bố trí đảm bảo số lượng cấp phó theo quy định).

a) Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai là người đứng đầu Văn phòng đăng ký đất đai, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường về toàn bộ hoạt động của Văn phòng đăng ký đất đai. Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của phòng, chi nhánh thuộc Văn phòng đăng ký đất đai.

b) Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai là người giúp Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai phân công và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai vắng mặt, một Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai được Giám đốc ủy quyền điều hành các hoạt động của Văn phòng đăng ký đất đai.

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng đăng ký đất đai

- a) Phòng Hành chính - Tổng hợp;
- b) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- c) Phòng Đăng ký và cấp giấy chứng nhận;
- d) Phòng Kỹ thuật và Đo đạc bản đồ;
- đ) Phòng Thông tin - Lưu trữ;
- e) Phòng Công nghệ - Dữ liệu đất đai.

3. Các Chi nhánh thuộc Văn phòng đăng ký đất đai

- a) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 1;
- b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 2;
- c) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 3;
- d) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 4;
- đ) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 5;
- e) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 6;
- g) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 7;
- h) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 8;
- i) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 9;
- k) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 10;
- l) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 11;
- m) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 12;
- n) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 13;
- o) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 14;
- ô) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 15;
- ơ) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 16;
- p) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 17;
- q) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 18;
- r) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 19;
- s) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 20;
- t) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 21;
- u) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 22;
- ur) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 23;
- v) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 24;
- x) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 25;
- y) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 26.

**Điều 4. Số lượng người làm việc**

Số lượng người làm việc của Văn phòng đăng ký đất đai được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 07 tháng 8 năm 2025.
2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.
3. Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Trà Vinh hết hiệu lực từ ngày Quyết định này có hiệu lực.
4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan và chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### ***Nơi nhận:***

- Như khoản 4 Điều 5;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- TT, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Trung tâm thông tin điều hành (đăng công báo);
- Các phòng, ban, trung tâm thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lữ Quang Ngời**